

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số *1409* / QĐ-ĐHKH, ngày *01* tháng *12* năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - ĐHTN)

Tên chương trình: TIẾNG VIỆT & VĂN HÓA VIỆT NAM

Tiếng Việt: Tiếng Việt & Văn hóa Việt Nam

Tiếng Anh: Vietnamese Language and Culture

Ngành đào tạo: Việt Nam học

Mã ngành: 7310630

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của ngành Việt Nam học (Tiếng Việt & Văn hóa Việt Nam) là đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam và quốc tế có năng lực vận dụng thành thạo vốn kiến thức tiếng Việt và văn hóa Việt Nam vào các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực thương mại, du lịch, giảng dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, đáp ứng nhu cầu hội nhập, giao lưu quốc tế hiện nay.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Đối với đối tượng sinh viên quốc tế, người học sẽ được đào tạo kiến thức tiếng Việt cơ bản và nâng cao trước tiên khi bắt đầu chương trình.

- Người học sẽ được trang bị phương pháp nghiên cứu và kiến thức về văn hóa, ngôn ngữ và văn học Việt Nam trong bối cảnh châu Á cũng như kiến thức cơ bản về giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài và sử dụng tiếng Việt trong du lịch, truyền thông, hoạt động thương mại.

1.2.2. Về kỹ năng

Bên cạnh các kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong truyền thông, quảng cáo, du lịch và giảng dạy tiếng Việt, ngành học Việt Nam học (Tiếng Việt & Văn hóa Việt Nam) còn rèn luyện cho người học kỹ năng bổ trợ như kỹ năng tin học, kỹ năng sử dụng tiếng Anh, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hướng dẫn, quản trị du lịch, kỹ năng tổ chức sự kiện, kỹ năng

chụp ảnh và quay video để định hướng nghề nghiệp và mở rộng cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

1.2.3. Thái độ

- Giúp người học có thái độ trân trọng, gìn giữ và phát huy các giá trị văn học, ngôn ngữ, văn hóa và nghệ thuật của Việt Nam và nhân loại;
- Kiên định với ngành nghề đã chọn; khiêm tốn, cầu thị, chủ động, sáng tạo và trung thực trong công việc;
- Có thái độ khách quan, khoa học trong quá trình giải quyết các vấn đề thực tiễn;
- Không ngừng phấn đấu cho sự tiến bộ của bản thân và xã hội.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

- Đạt được các kiến thức về ngôn ngữ, dịch thuật, văn hóa và văn học Việt Nam.
- Đạt được các kiến thức cơ bản về phương pháp giảng dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam.
- Đạt kiến thức cơ bản về sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp, hướng dẫn, truyền thông, thương mại, du lịch.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng tin học

- Chứng chỉ tin học;
- Vận dụng thành thạo tin học ứng dụng trong công việc.

2.2.2. Kỹ năng ngoại ngữ

- Đạt trình độ tiếng Việt cao cấp: Có thể hiểu và nhận biết được hàm ý của các văn bản dài với phạm vi rộng. Có thể diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó khăn trong việc tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết. Có thể giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài hoặc người có tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ khác tiếng Việt.
- Đạt chuẩn ngoại ngữ Tiếng Anh tương đương trình độ B1.
- Kỹ năng mềm:
 - Có kỹ năng làm việc theo nhóm, có khả năng thu thập thông tin cần thiết phục vụ cho công việc, biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy sáng tạo.

- Có kỹ năng tốt trong giao tiếp xã hội cần thiết, kỹ năng thuyết trình, tìm thông tin cần thiết trong những lĩnh vực làm việc khác nhau.

- Có khả năng làm việc độc lập trong các lĩnh vực thương mại, ngôn ngữ, văn hóa, du lịch.

- Có khả năng nghiên cứu khoa học độc lập ở các bậc đào tạo cao hơn và khả năng thích ứng linh hoạt với những môi trường làm việc áp lực, cạnh tranh.

2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Khả năng phát hiện, đánh giá và giải quyết các vấn đề về văn học, ngôn ngữ, văn hóa và nghệ thuật;

- Nắm bắt và xử lý các vấn đề về quảng cáo, truyền thông, sự kiện;

- Có khả năng nghiên cứu độc lập, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao, phối hợp làm việc nhóm hiệu quả;

- Có ý thức trách nhiệm của công dân toàn cầu và đạo đức nghề nghiệp.

3. VỊ TRÍ LÀM VIỆC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Tốt nghiệp ngành Việt Nam học (Tiếng Việt & Văn hóa Việt Nam), sinh viên có khả năng làm việc tại các vị trí như:

- Nhân viên văn phòng các cơ quan, công ty, xí nghiệp trong và ngoài nước;

- Phiên dịch viên, cộng tác viên các trung tâm dịch thuật, văn phòng công chứng;

- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên điều phối du lịch;

- Giáo viên giảng dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam tại các trung tâm ngoại ngữ, các trường phổ thông và đại học.

- Nhân viên các văn phòng tư vấn, hợp tác quốc tế;

- Điều phối viên, nhân viên truyền thông, viết bài quảng cáo, bài PR sản phẩm cho các doanh nghiệp có hợp tác quốc tế với Việt Nam.

Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp ngành Việt Nam học (Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam) có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các bậc cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) ngành Việt Nam học, giảng dạy Tiếng Việt, ngôn ngữ học ứng dụng.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 135 tín chỉ

5. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cấu trúc khung chương trình đào tạo

Nội dung	Số tín chỉ (%)	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương	30 (22 %)	30	0
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	105 (78 %)	75	30
- Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	32 (24 %)	26	6
- Khối kiến thức cơ sở ngành	28 (21 %)	16	12
- Khối kiến thức chuyên ngành	38 (28 %)	26	12
+ Thực tập, thực tế chuyên môn	12 (8, 9 %)	12	0
- Khoá luận (hoặc HP thay thế)	7 (5, 2%)	7	0
Tổng	135	105	30

Nội dung khung chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số	Loại giờ	HP tiên quyết; học trước (*)
		TC	(LT/ BT-TL/ TH-TN/ TH)	
5.1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	30		
5.1.1.	Tiếng Việt cơ sở (dành cho SV nước ngoài)	11		
5.1.1.1	Kỹ năng nghe-nói tiếng Việt 1	4	60/0/0/120	
5.1.1.2	Kỹ năng đọc-viết tiếng Việt 1	4	60/0/0/120	
5.1.1.3	Tiếng Việt giao tiếp	3	45/0/0/90	
5.1.2	Lý luận chính trị (dành cho SV Việt Nam)	11		
5.1.2.1	Triết học Mác-Lênin	3	45/0/0/90	5.1.2.1*
5.1.2.2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	30/0/0/60	5.1.2.2*
5.1.2.3	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2	30/0/0/60	5.1.2.3*
5.1.3.4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30/0/0/60	5.1.2.4*
5.1.3.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30/0/0/60	
5.1.3	Ngoại ngữ	10		
5.1.3.1	Tiếng Anh 1	4	60/0/0/120	
5.1.3.2	Tiếng Anh 2	3	45/0/0/90	5.1.3.1*
5.1.3.3	Tiếng Anh 3	3	45/0/0/90	5.1.3.2*
5.1.4	Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường	3		
5.1.4.1	Tin học đại cương	3	30/0/30/90	
5.1.5	Khoa học xã hội và nhân văn	6		

5.1.5.1	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	3	45/0/0/90	
5.1.5.2	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	45/0/0/90	
5.1.6	Giáo dục thể chất (*)			
5.2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	105		
5.2.1	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	32		
Bắt buộc		26		
Phần chung		14		
5.2.1.1	Tiếng Việt nâng cao 1	4	60/0/0/120	
5.2.1.2	Tiếng Việt nâng cao 2	4	60/0/0/120	
5.2.1.3	Lịch sử văn minh thế giới	3	45/0/0/90	
5.2.1.4	Nghệ thuật học	3	45/0/0/90	
Phần riêng cho SV nước ngoài		12		
5.2.1.5	Kĩ năng nghe-nói tiếng Việt 2	3	45/0/0/90	5.1.1.2*
5.2.1.6	Kĩ năng nghe-nói tiếng Việt 3	3	45/0/0/90	5.2.1.5*
5.2.1.7	Kĩ năng đọc-viết tiếng Việt 2	3	45/0/0/90	5.2.1.6*
5.2.1.8	Kĩ năng đọc-viết tiếng Việt 3	3	45/0/0/90	5.2.1.7*
Phần riêng cho SV Việt Nam		12		
5.2.1.9	Xã hội học đại cương	3	45/0/0/90	
5.2.1.10	Phương pháp luận NCKH	2	30/0/0/60	
5.2.1.11	Pháp luật đại cương	2	25/10/0/60	
5.2.1.12	Truyền thông quan hệ công chúng	2	30/0/0/60	
5.2.1.13	Kỹ năng giao tiếp	3	45/0/0/90	
Tự chọn		6/12		
5.2.1.14	Tổ chức sự kiện	3	45/0/0/90	
5.2.1.15	Dân tộc học đại cương	3	45/0/0/90	
5.2.1.16	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	3	45/0/0/90	
5.2.1.17	Nhập môn khoa học du lịch	3	45/0/0/90	
5.2.1.18	Nghiệp vụ văn phòng	3	45/0/0/90	
5.2.2	Khối kiến thức cơ sở ngành	28		
Bắt buộc		16		
5.2.2.1	Dẫn luận ngôn ngữ	3	45/0/0/90	
5.2.2.2	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	3	45/0/0/90	5.1.1*
5.2.2.3	Câu tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp	3	45/0/0/90	5.1.1*
5.2.2.4	Lịch sử văn học Việt Nam	3	45/0/0/90	5.1.1*



5.2.2.5	Âm thực và trang phục Việt Nam	4	60/0/0/120	5.1.5.1*
Tự chọn		12/30		
5.2.2.6	Nhập môn khu vực học	3	45/0/0/90	
5.2.2.7	Văn học châu Á	3	45/0/0/90	5.1.1*
5.2.2.8	Thành ngữ-tục ngữ Việt Nam	3	45/0/0/90	5.1.1*
5.2.2.9	Lễ hội dân gian Việt Nam	3	45/0/0/90	5.1.5.1*
5.2.2.10	Địa lý du lịch	3	45/0/0/90	
5.2.2.11	Du lịch văn hóa	3	45/0/0/90	5.1.5.1*
5.2.2.12	Lịch sử tiếng Việt	3	45/0/0/90	
5.2.2.13	Nghệ thuật tổ chức teambuilding	3	15/30/30/90	
5.2.2.14	Kỹ năng dẫn chương trình phát thanh - truyền hình	3	30/0/30/90	
5.2.2.15	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3	30/0/30/90	
5.2.3	Khối kiến thức chuyên ngành	38		
Bắt buộc		26		
5.2.3.1	Trích giảng văn học Việt Nam 1	3	45/0/0/90	5.2.2.4*
5.2.3.2	Trích giảng văn học Việt Nam 2	3	45/0/0/90	5.2.3.1*
5.2.3.3	Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ 1	4	60/0/0/120	5.1.1*
5.2.3.4	Tiếng Việt chuyên ngành	4	60/0/0/120	5.1.1*
5.2.3.5	Thực tế chuyên môn 1	2	0/0/60/0	
5.2.3.6	Thực tế chuyên môn 2	2	0/0/60/0	5.2.3.5*
5.2.3.7	Thực tập	8	0/0/240/0	5.2.3.6*
Tự chọn		12/21		
5.2.3.8	Ngữ dụng học tiếng Việt	3	45/0/0/90	5.1.1*
5.2.3.9	Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ 2	3	45/0/0/90	5.2.3.3*
5.2.3.10	Nghệ thuật hướng dẫn du lịch chuyên biệt	3	15/30/30/90	
5.2.3.11	Nghệ thuật pha chế và phục vụ đồ uống	3	15/30/30/90	
5.2.3.12	Ảnh báo chí	3	30/0/30/90	
5.2.3.12	Liên kết văn bản tiếng Việt	3	45/0/0/90	5.1.1*
5.2.3.13	Danh nhân văn hóa Việt Nam	3	45/0/0/90	5.1.5.1*
5.2.3.14	Tâm lý học sư phạm	3	45/0/0/90	
5.2.3.15	Tiếng Anh du lịch	3	45/0/0/90	5.1.3.3*
5.2.3.16	Quản trị đại lý du lịch & lữ hành	3	15/30/30/90	
5.2.3.17	Kỹ năng dịch	3	45/0/0/90	5.1.1*



5.2.4	Khóa luận/HP thay thế KLTN	7		
5.2.4.1	Khóa luận	7	0/0/0/210	
5.2.4.2	HP thay thế KLTN			
5.2.4.2.1	Hà Nội: xưa và nay	3	45/0/0/90	5.2.1.4*
5.2.4.3.2	Lỗi ngữ pháp tiếng Việt của người nước ngoài	4	60/0/0/120	5.2.2.3*
Tổng cộng		135		

LÃNH ĐẠO KHOA

Tên
Cao Duy Trì

PHÒNG ĐÀO TẠO –
QLKH & HTQT

Ngo Văn Đức

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KHOA HỌC
KT HIỆU TRƯỞNG
PHẠM CHI PHƯƠNG THÁI
PGS.TS. *Phạm Chi Phương Thái*

ĐÀO TẠO
NG
OC
IQC
NGUYỄN